

Số: 655/QĐ-DHTĐ

Cần Thơ, ngày 09 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ
theo định hướng ứng dụng**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ

Căn cứ Quyết định số 54/2006/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Đô;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về Chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐT-ĐHTĐ ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tây Đô, nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Căn cứ Quyết định số 09/QĐ-HĐT-ĐHTĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Chủ tịch Hội đồng Trường về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô, nhiệm kỳ 2021 – 2026;

Căn cứ Kế hoạch số 682/KH-ĐHTĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô về việc rà soát, điều chỉnh và cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ biên bản cuộc họp của Hội đồng Khoa học – Đào tạo Trường Đại học Tây Đô vào ngày 02/12/2021;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Khoa học – Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ định hướng ứng dụng gồm các chuyên ngành, cụ thể như sau:

1. Quản trị Kinh doanh, Mã số 8340101 (Chương trình đào tạo có đính kèm).
2. Kế toán, Mã số 8340301 (Chương trình đào tạo có đính kèm).
3. Tài chính – Ngân hàng, Mã số 8340201 (Chương trình đào tạo có đính kèm).
4. Luật Kinh tế, Mã số 8380107 (Chương trình đào tạo có đính kèm).



5. Quản trị dịch vụ Du lịch và lữ hành, Mã số 8810103 (Chương trình đào tạo có đính kèm).
6. Dược lý và Dược lâm sàng, Mã số 8720205 (Chương trình đào tạo có đính kèm).

Điều 2. Các chương trình đào tạo này áp dụng đối với các khóa tuyển sinh sau ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng khoa Đào tạo Sau Đại học, Trưởng khoa Quản trị kinh doanh, Trưởng khoa Kế toán – Tài chính Ngân hàng, Trưởng bộ môn Du lịch, Trưởng bộ môn Luật, Trưởng khoa Dược - Điều dưỡng, Trưởng các đơn vị liên quan và học viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HĐT (để báo cáo);
- Như điều 3,
- Lưu: VTMC, TC-HC.



PGS.TS. Trần Long Luận



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 655/QĐ-ĐHTĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

Tên chương trình : **Thạc sĩ Kế Toán
định hướng ứng dụng**
Trình độ đào tạo : **Thạc sĩ**
Ngành đào tạo : **Kế Toán**
Tên tiếng Anh : **Accounting**
Mã ngành : **8340301**
Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kế Toán theo định hướng ứng dụng nhằm giúp học viên nắm vững chuyên môn và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kế toán.

- Có đủ trình độ tiếng Anh để sử dụng khi nghiên cứu và làm việc.
- Học viên được trang bị chuyên môn với nền tảng chuyên sâu và chất lượng cao.
- Học viên được trang bị các kỹ năng phối hợp, làm việc độc lập, làm việc nhóm và các phương pháp phân tích, tính toán, nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán.
- Học viên có khả năng làm việc, giải quyết các vấn đề phức tạp và có hệ thống.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Kế toán được thiết kế với mục tiêu đào tạo sau:

1.2.1. Kiến thức

- Nắm vững chuyên sâu về pháp luật kế toán, kiểm toán, thuế hiện hành.
- Nắm rõ các kiến thức chuyên sâu về kiểm toán, các quy trình kiểm toán, các khoản mục trên báo cáo tài chính và quy trình kiểm toán các khoản mục trong giai đoạn thực hiện kiểm toán.
- Vận dụng những nguyên lý và nguyên tắc cơ bản trong hoạt động kế toán, bao gồm kế toán quản trị, kế toán tài chính, kiểm toán, đối chiếu kế toán Việt Nam và kế toán quốc tế; về thống kê, phân tích, đánh giá các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.



- Áp dụng các kiến thức chuyên ngành để giải quyết những vấn đề thực tiễn nghiệp vụ liên quan đến lĩnh vực kế toán.

1.2.2. Kỹ năng

- Xử lý độc lập và thực hành thành thạo các phần hành của kế toán gồm các quá trình sản xuất, kinh doanh như: kế toán tiền, nguyên vật liệu, tài sản cố định, lương, thuế, các khoản thanh toán, giá thành, tiêu thụ, xác định kết quả kinh doanh, phân phối lợi nhuận,...

- Lập và phân tích báo cáo tài chính, báo cáo kế toán quản trị, báo cáo thuế.

- Điều hành cách tổ chức công tác kế toán, bao gồm tổ chức và xây dựng bộ máy kế toán, vận dụng hình thức kế toán, hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và cung cấp thông tin thông qua hệ thống báo cáo kế toán.

- Dù năng lực thực hành, sử dụng thành thạo phần mềm kế toán, có khả năng sử dụng thành thạo Tiếng Anh chuyên ngành kế toán.

- Dù năng lực khả năng làm việc độc lập khi được phân công nhiệm vụ, vận dụng một cách sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực nghiên cứu, tự trải nghiệm và kỹ năng mềm để tự phát triển nghề nghiệp, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Kiến thức chung

- Nắm rõ một cách hệ thống các kiến thức chuyên sâu về xã hội, khoa học tự nhiên để vận dụng trong học tập, nghiên cứu và lĩnh vực kinh tế.

- Sử dụng tốt ngoại ngữ và các phần mềm tin học trong lĩnh vực kế toán.

2.1.2. Kiến thức chuyên môn

- Áp dụng các nguyên tắc, các chuẩn mực về kế toán, pháp luật về kế toán, thuế, kiểm toán, cách tổ chức công tác kế toán và hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, ...

- Phân tích số liệu kế toán để tham mưu đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và hoạch định chính sách tài chính tại các tổ chức kinh tế, các công ty, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức tín dụng, ...

- Nắm rõ các quy trình kiểm toán, các kiến thức chuyên sâu về các khoản mục trên báo cáo tài chính và quy trình kiểm toán các khoản mục trong giai đoạn thực hiện kiểm toán.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng mềm

- Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm vào công việc kế toán, kiểm toán thực tế tại doanh nghiệp.

- Sử dụng tốt ngoại ngữ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (thuộc 6 ngôn ngữ quy định của thông tư 23/2021/TT-BGDĐT).

2.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

- Quản lý và thực hiện và tổ chức công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp gồm: Lập chứng từ kế toán, ghi chép sổ sách kế toán, lập báo cáo tài chính và các báo cáo thuế (tờ khai thuế GTGT, quyết toán thuế TNCN, thuế thu nhập doanh nghiệp) trên cơ sở tuân thủ pháp luật và chế độ kế toán Việt Nam, tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống tài khoản kế toán, sổ sách và báo cáo kế toán, kế toán quản trị trong doanh nghiệp,...

- Vận dụng kiến thức về kiểm toán để kiểm toán các khoản mục tiền, công nợ, doanh thu, chi phí, hàng tồn kho,... trên báo cáo tài chính.

- Sử dụng một số công cụ thống kê, kỹ thuật phân tích định lượng cơ bản trong kế toán để thực hiện các nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn doanh nghiệp.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có phẩm chất đạo đức tốt; ý thức đầy đủ và tuyệt đối tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần trách nhiệm công dân.

- Tinh thần, thái độ phục vụ tận tụy; tôn trọng khách hàng; trung thực, trách nhiệm, tuân thủ pháp luật và các chế độ kế toán của Nhà nước, qui định của cơ quan làm việc; có ý thức xây dựng tập thể đơn vị;

- Thấu hiểu vai trò người làm công việc kế toán là người kiểm soát nguồn lực về tài chính của các đơn vị; giúp các đơn vị hoạt động hiệu quả.

- Có tinh thần cầu tiến, học hỏi, luôn tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, sẵn sàng tham gia các công tác liên quan đến chuyên môn của mình để phục vụ Nhà trường, đoàn thể, cộng đồng xã hội.

3. VỊ TRÍ KHẢ NĂNG CÔNG TÁC SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Nghiên cứu viên và giảng viên trong lĩnh vực Kế toán làm việc tại các cơ sở nghiên cứu, các trường Trung Cấp, Cao Đẳng và đại học.

- Chuyên viên kế toán làm việc tại các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, các định chế tài chính (như ngân hàng thương mại, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán,...)

- Ngoài ra, các học viên có được trình độ chuyên môn cao hơn và năng lực điều hành tốt hơn. Do đó, họ có thể đảm nhận những công việc chuyên môn phức tạp hơn theo chuyên

ngành được đào tạo, có nhiều nỗ lực, cơ hội để hoàn thành tốt hơn các nhiệm vụ được giao và tiếp tục nghiên cứu, học tập ở trong và ngoài nước về lĩnh vực Kế toán.

4. KHẢ NĂNG HỌC TẬP VÀ NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

Có đủ kiến thức để tiếp tục tự học, tự nghiên cứu một cách độc lập và tiếp tục nghiên cứu ở bậc học tiến sĩ.

5. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 02 năm (04 học kỳ; 02 học kỳ/năm)

6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 60 tín chỉ

7. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp đại học
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

8.1 Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quyết định số 487/QĐ-ĐHTĐ ngày 16 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Tây Đô.

8.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 487/QĐ-ĐHTĐ ngày 16 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Tây Đô.

9. THANG ĐIỂM

Thực hiện theo Quyết định số 487/QĐ-ĐHTĐ ngày 16 tháng 9 năm 2021 về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Tây Đô.

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0

5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

10. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Kế Toán gồm: 60 tín chỉ (TC).

Chương trình gồm những học phần chung, học phần cơ sở và học phần chuyên ngành bắt buộc và tự chọn, cụ thể như sau: Khối lượng kiến thức toàn khóa

TT	Cấu trúc chương trình	Khối lượng (TC)
1	Kiến thức chung	6
2	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	39
3	Học phần tốt nghiệp	15
3.1.	Nghiên cứu tình huống	6
3.2	Đề án tốt nghiệp	9
TỔNG CỘNG		60

Danh mục các học phần

Số thứ tự	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng (TC)				Số tiết Tự học
			Tổng số	Lí thuyết	Thực tế	Thực hành	
Phần 1: Kiến thức chung (6 TC)							
1	001166	Triết học	3	3			90
2	001708	Ngoại ngữ (Anh văn)	3	3			90
Phần 2: Kiến thức cơ sở và chuyên ngành bắt buộc (29 TC)							
3	001711	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kế toán	3	2		1	45
4	001715	Phân tích định lượng chuyên ngành kế toán	3	2		1	45
5	001734	Lý thuyết kế toán	2	2		1	30
6	001717	Kế toán tài chính nâng cao	3	2		1	45
7	001720	Kế toán quản trị nâng cao	3	2		1	45
8	001718	Kiểm toán báo cáo tài chính nâng cao	3	2		1	45

9	001719	Hợp nhất báo cáo tài chính	3	2		1	45
10	001725	Hệ thống thông tin kế toán	3	2		1	45
11	001726	Thuế và phân tích chính sách thuế	3	2		1	45
12	001740	Tài chính doanh nghiệp	3	2		1	45
Phần 3: Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành tự chọn (10TC)							
3.1: Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần) (4TC)							
13	001716	Tổ chức công tác kế toán	2	1		1	30
14	001770	Luật kinh doanh quốc tế	2	1		1	30
15	001735	Luật kinh tế	2	1		1	30
16	001736	Luật kế toán và chuẩn mực kế toán	2	1		1	30
3.2: Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Chọn 1 trong 2 nhóm tổ học phần) (6TC)							
Tổ hợp 1							
17	001728	Phân tích tài chính	2	1		1	30
18	001729	Quản trị rủi ro tài chính	2	1		1	30
19	001730	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư	2	1		1	30
Tổ hợp 2							
20	001731	Kiểm toán nội bộ	2	1		1	30
21	001732	Hệ thống kiểm soát nội bộ	2	1		1	30
22	001733	Kế toán quốc tế	2	1		1	30
Phần 4: Học phần tốt nghiệp (15 TC)							
23	002679	Nghiên cứu tình huống Kế Toán 1	3				
24	002680	Nghiên cứu tình huống Kế Toán 2	3				
25	002678	Đề án tốt nghiệp	9				
TỔNG CỘNG			60				

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH:

11.1. Cách quy đổi giờ:

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)
= 30 đối với học phần thực tập, thực hành
= 60 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

Một tiết giảng là 50 phút.

11.2. Chương trình ngành Kế Toán định hướng ứng dụng được thiết kế theo đơn ngành:

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài các học phần bắt buộc, Trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo và chuẩn đầu ra.

- Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 Phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam

- Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ

- Chương trình được xây dựng và dựa trên sự tham khảo của một số cơ sở đã đào tạo chuyên ngành Kế toán ở trong và ngoài nước như:

+ Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán của trường Đại học Kinh tế TP.HCM

+ Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán của Học viên tài chính.

+ Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán của trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

+ Chương trình đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Kế toán của trường **Đại học Kozminski, Ba Lan**

Trên cơ sở đó, chương trình được Khoa Kế toán và Tài chính – Ngân hàng thiết kế có sự kế thừa và bổ sung phù hợp với điều kiện thực tế của Trường Đại học Tây Đô, cũng như nhu cầu thực tiễn của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung.

HIỆU TRƯỞNG 

PGS.TS. Trần Long Luận